



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

147-149 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. HCM
Điện thoại:(84.8) 62992006 Fax:(84.8) 62992007 Website : www.vdsc.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2008

(Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Ngân đồng (1.000 đồng)

STT	Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
I	Tài sản ngắn hạn	219,865,331	76,050,781
1	Tiền	156,517,190	64,471,559
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác	52,745,106	5,631,081
	- Chứng khoán tự doanh	59,365,059	22,408,956
	- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người uỷ thác đầu tư	-	-
	- Đầu tư ngắn hạn	-	-
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn	(6,619,953)	(16,777,875)
3	Các khoản phải thu	9,674,198	4,805,913
4	Vật liệu, công cụ tồn kho	-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	928,837	1,142,228
II	Tài sản dài hạn	275,834,045	281,967,531
1	Tài sản cố định	5,759,947	8,924,202
	- Tài sản cố định hữu hình	4,933,908	8,241,503
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Tài sản cố định vô hình	826,039	682,699
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	266,259,317	266,747,632
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	329,672
4	Tài sản dài hạn khác	3,814,781	5,966,025
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	495,699,376	358,018,312
III	Nợ phải trả	150,280,211	55,680,430
1	Nợ ngắn hạn	150,115,211	55,046,372
2	Nợ dài hạn	165,000	634,058
IV	Nguồn vốn chủ sở hữu	345,419,165	302,337,882
1	Vốn góp ban đầu	300,000,000	330,000,000
2	Vốn bổ sung	4,433,158	55,433,158
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	40,986,007	(83,095,276)
4	Vốn điều chỉnh	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	495,699,376	358,018,312

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: Ngân đồng (1.000 đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	74,422,204	91,122,768
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần	74,422,204	91,122,768
4	Thu lãi đầu tư	9,599,934	1,831,344
5	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán & lãi đầu tư	84,022,138	92,954,112
6	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	(135,731,091)	(13,166,894)
7	Lợi nhuận gộp	(51,708,953)	79,787,218
8	Chi phí quản lý	(34,861,889)	(20,698,715)
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	(86,570,842)	59,088,503
10	Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh	851,280	247,647
11	Tổng lợi nhuận trước thuế	(85,719,562)	59,336,150
12	Lợi nhuận tính thuế	(94,430,567)	57,936,064
13	Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	16,192,985
14	Lợi nhuận sau thuế	(85,719,562)	43,143,165
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	-	1,400

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		55.65	78.76
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		44.35	21.24
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		30,32	15.55
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		69,68	84.45
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		1.46	1.38
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1.46	1.38
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		8,7	(23.94)
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		47,35	(115.18)
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		12,49	(28.35)

TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN MIÊN TUẤN
(đã ký)